

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN ĐÔNG



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025

Đồng Nai, năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN ĐÔNG, KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2.1. Lịch sử phát triển nhà trường	4
3.1. Thông tin khái quát về Khoa Điện - Điện tử.	8
3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	8
3.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của khoa	9
3.2.1. Cơ cấu tổ chức.....	9
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ.....	10
3.2.2. Đội ngũ giáo viên	10
3.3. Đội ngũ viên chức quản lý khoa.....	10
3.3.2. Quy mô đào tạo nghề Công nghệ ô tô:.....	11
3.5. Thành tích của khoa:	11
4. Thông tin về chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng.....	12
4.1. Lịch sử phát triển chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng	12
4.2. Thông tin chi tiết về chương trình đào tạo	13
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG	25
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP	25
1. Tổng quan chung	25
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	25
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	25
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	25
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	26
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	26
2. Tự đánh giá.....	27
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	27

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
CNCS	Công nghiệp Cao su
CĐMĐ	Cao đẳng Miền Đông
BGH	Ban giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
GV	Giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CNVC	Công nhân viên chức
NLĐ	Người lao động
BCH	Ban chấp hành
CĐ, TC	Cao đẳng, Trung cấp
CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
HSSV	Học sinh, sinh viên
DN	Doanh nghiệp
NĐ- CP	Nghị định – Chính phủ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
MH, MĐ	Môn học, mô đun
ĐCN&DD	Điện công nghiệp và dân dụng

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN ĐÔNG, KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN ĐÔNG

Tên tiếng Anh: Eastern College

Cơ quan chủ quản: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Địa chỉ trường: Số 1428, Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0271.3879787

Fax: 0271.3870291

Email: caodangmiendong@cdmd.edu.vn

Website: www.cdmd.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1978.

- Nâng cấp lên Trường CĐCNCS: 2008 (theo Quyết định số 424/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Đổi tên Trường CĐMD năm 2024 (theo Quyết định số 1313/QĐ-LĐTB&XH ngày 21/8/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)

Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

*** Lịch sử phát triển:**

2.1. Lịch sử phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng Miền Đông (CĐMD) tiền thân là Trường Công Nhân Kỹ thuật nghiệp vụ Cao su được thành lập năm 1978, năm 1997 trường đổi tên thành Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Cao Su và được nâng cấp lên trường Trường Trung học Kỹ thuật Nghiệp Vụ Cao Su vào năm 2000, đến tháng 1 năm 2008 Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo trao quyết định chính thức công nhận nâng cấp trở thành Trường CĐCNCS. Năm 2017 Trường CĐCNCS được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt “Chuyển đổi Trường CĐCNCS thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ năm 2017”. Đến tháng 1 năm 2008 Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo trao quyết định chính thức công nhận nâng cấp trở thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su. Ngày 21/8/2024 Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quyết định số 1313/QĐ-LĐTBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su thành Trường Cao đẳng Miền Đông.

Hiện nay, bộ máy tổ chức với 04 phòng ban, 05 khoa đào tạo và 03 trung tâm để duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Nhà trường theo hướng nâng cao tính phục

vụ. Bên cạnh đó, Trường cũng đã chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên; chủ động quy hoạch cán bộ, giảng viên có trình độ, năng lực tham gia học sau đại học để đáp ứng yêu cầu của công việc với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 141 người (48 nữ). Về trình độ chuyên môn, cán bộ giảng viên, nhân viên, người lao động của nhà trường có trình độ chuyên môn khá cao, cụ thể: tiến sĩ 03, thạc sĩ 35, đại học 45, trung cấp 31, khác 29. Về trình độ lý luận chính trị, cán bộ giảng viên của nhà trường không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trong đó: cử nhân cao cấp 03, trung cấp 23. Do đó, Nhà trường đã nhận được nhiều giấy khen, cờ thi đua, bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Bộ, Ngành và Chính phủ.

Từ ngày thành lập đến nay, Nhà trường đã từng bước khẳng định mình qua các thế hệ thầy và trò. Đến nay, Trường đã trở thành một trung tâm duy nhất trong cả nước đào tạo về lĩnh vực cao su. Hiện Nhà trường được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cho phép đào tạo 4 ngành hệ Cao đẳng, 4 ngành Cao đẳng liên thông, 7 ngành hệ trung cấp;

2.2. Sức mạng và tầm nhìn

Sức mạng: Trường Cao đẳng Miền Đông đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp, phục vụ sự phát triển bền vững của xã hội, vùng Đông Nam Bộ và ngành Cao su Việt Nam.

Tầm nhìn: Xây dựng Trường Cao đẳng Miền Đông trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, uy tín, hiện đại; gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng. Là trung tâm đào tạo, chuyển giao kỹ thuật chất lượng cao của ngành Cao su Việt Nam.

*** Thành tích nổi bật:**

Hơn 45 năm hình thành và phát triển, được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu cho xã hội.

Với những thành tích đã đạt được, nhà trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; Huân chương độc lập hạng ba; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen các Bộ, ngành và địa phương. Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận đó là:

- Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối các Cơ

quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Phước công nhận và tặng Giấy khen.

- Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: *“Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”*; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen, bằng khen Công đoàn Cao su, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Đồng Nai và Đoàn phường Bình Phước phát động.

*** Một số thành tích cụ thể là:**

- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của QĐ công nhận danh hiệu thi đua; CQ ban hành quyết định.
1997	Huân chương Lao động hạng Ba	Số 82/QĐ-KTCTN, ngày 12/12/1997 của Chủ tịch nước
2003	Huân chương Lao động hạng Nhì	Số 47/QĐ-CTN, ngày 17/01/2003 của Chủ tịch nước
2008	Huân chương Lao động hạng Nhất	Số 188/QĐ-CTN, ngày 20/02/2008 của Chủ tịch nước
2015	Cờ thi đua cấp bộ	Số 4707/QĐ – BNN – TCCB ngày 13/11/2015 của Bộ NN&PTNT
2016	Cờ thi đua UBND tỉnh Bình Phước	Số 647/QĐ – UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
2016	Cờ thi đua Chính phủ	Số 423/ QĐ – TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng CP

2017	Cờ thi đua cấp bộ	Số 184/QĐ – BNN – TCCB ngày 19/1/2018 của Bộ NN&PTNT
2018	Cờ thi đua tập đoàn CNCSVN	QĐ số 28/QĐ-CSVN ngày 15/01/2019 Tập đoàn Công nghiệp CSVN
2019	Cờ thi đua tập đoàn CNCSVN	QĐ số 752/QĐ-CSVN ngày 25/12/2019 Tập đoàn Công nghiệp CSVN
2019	Tập thể Lao động xuất sắc	Số 77/QĐ – CSVN, ngày 7/2/2020 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Số 600/QĐ – CSVN, ngày 31/12/2020 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
2020	Cờ thi đua Chính phủ	Số 968/ QĐ – TTg ngày 18/6/2021 của Thủ tướng CP
2021	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 523/QĐ–CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2021	Cờ thi đua xuất sắc	QĐ số 524/QĐ–CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2022	Cờ thi đua Tập đoàn	Qđ số 625/QĐ-CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2023	Huân chương độc lập hạng III	QĐ số 48/CTN, ngày 9 tháng 1 năm 2023
2024	Cờ thi đua của UBQL Vốn Nhà nước	Qđ số 659/QĐ-UBQLV, ngày 27/12/2024 của UBQLV Nhà nước tại Doanh nghiệp
2024	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 3208/QĐ–BTC, ngày 15/09/2025 của Bộ Tài chính

- Các hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; Cơ quan ban hành quyết định.
2017	Bằng khen Hoàn thành SX H. động của LH các hội KH&KT tỉnh giai đoạn 2011- 2017	Số 192/QĐ – LHHVN, ngày 09/03/2017 Của HĐ trung ương các hội KH&KT việt nam
2018	Bằng khen	Số 222/QĐ – CSVN, ngày 18/10/2018 của Tập đoàn CN CSVN.
2019	Bằng khen Hoàn thành trước kế hoạch	Số 743/QĐ – CSVN, ngày 18/12/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2020	Bằng khen Hoàn thành trước kế hoạch	Số 569/QĐ – CSVN, ngày 22/12/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

2023	Bằng khen UBQLV nhà nước tại Doanh nghiệp	Số 526/QĐ-UBQLV, ngày 28/9/2023
2024	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Số 1069/QĐ -UBND, ngày 05/7/2024 Của UBND Tỉnh

3. Thông tin khái quát về Khoa Điện - Điện tử phụ trách chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp và dân dụng.

3.1. Thông tin khái quát về Khoa Điện - Điện tử.

- Tên khoa: Khoa Điện - Điện tử
- Tên Tiếng Anh: **Electrical and Electronics Engineering**
- Là đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Miền Đông
- Địa chỉ trường: Số 1428, Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0271.3879787
- Fax: 0271.3870291

Email: ec@cdmd.edu.vn

Website: www.cdmd.edu.vn

3.1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển của Khoa Điện – Điện tử như sau:

Năm thành lập: 1998

Khoa Điện – Điện tử tiền thân là Tổ Điện xí nghiệp thành lập năm 1998. Năm 2018 sau nhiều lần đổi tên và chuyển đổi mang tên Khoa Điện – Điện tử.

Hiện nay, khoa có tổng cộng 10 nhà giáo tham gia giảng dạy (trong đó có 06 nhà giáo cơ hữu, 02 nhà giáo kiêm nhiệm tham gia giảng dạy và 02 nhà giáo thỉnh giảng). Về trình độ của nhà giáo: Có 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ, 08 nhà giáo có trình độ đại học. Nhìn chung, các nhà giáo của khoa đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề.

3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

a. Chức năng:

Là đơn vị quản lý chuyên môn của Trường, trực tiếp quản lý toàn diện quá trình tổ chức, phục vụ đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.

Quản lý, tổ chức giảng dạy và biên soạn chương trình, giáo trình các môn cơ sở, chuyên ngành Điện, Điện lạnh cho các bậc đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Cao đẳng liên thông.

b. Nhiệm vụ:

Quản lý giảng viên và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo định hướng phát triển chung của Trường, bao gồm: Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học; xây dựng đề án,

biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HSSV, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng đào tạo HSSV do khoa quản lý; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và làm thiết bị dạy học; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa; Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thuộc khoa; Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường; Quản lý nhập điểm các học môn học, mô đun do khoa quản lý; Quản lý tài sản, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý, sử dụng; Tổ chức cho HSSV thực tập tại các cơ sở sản xuất; Phối hợp với các đơn vị để khảo sát và đánh giá HSSV; Đào tạo các nghề ngắn hạn do khoa phụ trách; Làm mô hình học tập.

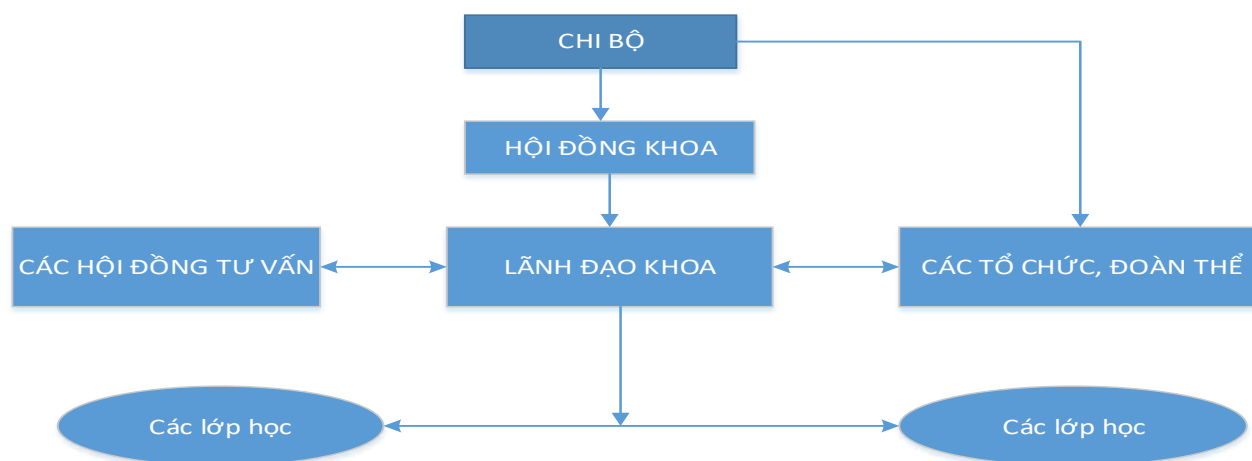
3.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của khoa

3.2.1. Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu tổ chức khoa Điện – Điện tử được phân thành 03 cấp: Chi bộ Kinh tế Kỹ thuật, Lãnh đạo khoa (Trưởng, phó khoa) và 03 nghề.

- Cấp lãnh đạo khoa thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của khoa Điện – Điện tử được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cao đẳng Miền Đông. Bộ môn thực hiện công việc chuyên môn và mảng công việc cụ thể được khoa phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ



3.2.2. Đội ngũ giáo viên

Hiện tại, Khoa Điện – Điện tử hiện có 10 giáo viên tham gia giảng dạy

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	02	0	02
Đại học	08	0	08
Tổng số	10	0	10

3.3. Đội ngũ viên chức quản lý khoa

Đội ngũ quản lý của khoa cơ cấu gồm 1 trưởng khoa Phụ trách chung, 1 phó trưởng khoa.

3.3.1. Các ngành nghề đào tạo và lưu lượng sinh viên

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ
1	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	Cao đẳng
		Cao đẳng liên thông
2	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp

3.3.2. Quy mô đào tạo nghề Điện công nghiệp và dân dụng:

Tên nghề	Trình độ đào tạo	Số lượng người học nghề		
		2023 - 2024	2024 - 2025	2025 - 2026
Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng	0	0	18
	Trung cấp	70	63	70
	Cao đẳng liên thông	0	0	25

3.4. Cơ sở vật chất của khoa

a. Phòng học, nhà xưởng

Khoa Điện – Điện tử hiện có 16 phòng thực hành và 5 phòng lý thuyết. Diện tích bình quân phòng thực hành là 80m²/ Phòng.

b. Thiết bị đào tạo

Tổng giá trị thiết bị đào tạo các nghề điện, điện lạnh là 9,477,342,170 đồng, trang bị cho các xưởng thực hành chuyên môn:

- Phòng thực hành chuyên môn: Tự động hóa; PLC; Trang bị điện 1, 2; Kỹ thuật số, vi xử lý; Quần dây máy điện; Thí nghiệm máy điện; Lắp đặt điện; Điện cơ bản; Điện, Điện tử; Sửa chữa Thiết bị điện gia dụng; Điện lạnh công nghiệp; Lạnh cơ bản; Điều hòa không khí dân dụng và thương nghiệp; Máy lạnh dân dụng và thương mại.

- Phòng dạy lý thuyết

3.5. Thành tích của khoa:

Là một trong những khoa tiêu biểu của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động. Qua quá trình hoạt động lâu dài, khoa Điện – Điện tử đã đúc kết được nhiều kiến thức, kinh nghiệm có giá trị trong tổ chức đào tạo, có bước chuyển mình mạnh mẽ trong định hướng, phương pháp giảng dạy, xây dựng và phát triển cả về chuyên môn lẫn cơ sở vật chất cho đến chất lượng đào tạo, đã tạo dựng “thương hiệu” sản phẩm nghề công nghệ ô tô luôn được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đón nhận, điều đó khẳng định qua kết quả 100% HSSV nghề điện công nghiệp và dân dụng ra trường có việc làm.

Trong nhiều năm liền, điện công nghiệp và dân dụng được công nhận Tập thể lao động xuất sắc, nhiều giảng viên đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp, cấp tỉnh và cấp cơ sở. Cụ thể như sau:

a. Thành tích của tập thể giáo viên trong Khoa:

Từ khi thành lập khoa có nhiều thành tích nổi bật, có nhiều cá nhân được công nhận là lao động xuất sắc, giáo viên giỏi cấp toàn quốc, cấp bộ và cấp trường.

Được Bộ LĐTB&XH, Bộ NN&PTNT và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nhiều năm tặng Bằng khen năm 2001, 2004, 2007, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2020, 2023.

b. Thành tích của các cá nhân giáo viên trong Khoa:

- 06 lượt giáo viên đạt giải cao tại hội thi giáo viên dạy giỏi cấp toàn quốc toàn quốc, cấp ngành năm: 2000, 2003, 2006, 2018, 2021.
- 03 giáo viên đạt giải khuyến khích thiết bị tự làm toàn quốc toàn quốc 2016, 2022.
- 03 giáo viên giải nhì, nhiều lượt giáo viên giải ba Hội giảng cấp trường trong 33 lần nhà trường tổ chức.

c. Thành tích của học sinh, sinh viên

- Tham gia cuộc thi giỏi nghề do Bộ lao động thương binh và xã hội tổ chức năm 2006 tại Ninh Bình (1 ba, 1 khuyến khích); năm 2009 tại Bình Dương.
- Tham gia cuộc thi sáng tạo Robocon Mini tại Bình Phước năm 2019.
- Tham gia cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Bình Phước lần thứ XVII, năm 2023-2024 (lọt vào vòng chung khảo).

4. Thông tin về chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng

4.1. Lịch sử phát triển chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng

Hiện nay, Khoa Điện – Điện tử xây dựng các chương trình đào tạo phong phú đa dạng với nhiều ngành nghề nhằm đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Điện công nghiệp, Điện dân dụng, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cung cấp nguồn nhân lực trong và ngoài tỉnh.

Cùng với sự phát triển của các nghề được đào tạo hiện nay tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng được điều chỉnh phát triển qua từng thời kỳ; đội ngũ giảng viên có tay nghề, nhiệt tình, năng động. Trong thời đại công nghệ phát triển như vũ bão, Khu công nghiệp tại Đồng Nai và cả nước phát triển từng ngày, do vậy ngành điện càng ngày càng phát triển, thu hút nguồn nhân lực rất lớn. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề, người học đã có thể tìm được một vị trí việc làm với chức danh xứng đáng trong các công ty, doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ sửa chữa và bảo trì điện. Đây chính là những ảnh hưởng đến sự thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng phù hợp với thực tiễn đào tạo của trường hiện nay. Hàng năm Khoa vận động và tạo điều kiện để các Giảng viên tham gia tham quan, học tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn.

Trong 2 lần điều chỉnh chương trình đào tạo gần đây nhất (năm 2021 và năm 2024) khoa đã cố gắng cập nhật các kiến thức và công nghệ mới đưa vào chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, của các công ty trong và ngoài nước. Trong xây dựng chương trình đào tạo khoa cũng kết hợp với các doanh nghiệp đóng góp các ý kiến nhằm hoàn thiện chương trình. Để nâng cao kiến thức, kỹ năng tay nghề cho HS-SV, bộ môn đã tổ

chức cho SV vừa học tập và làm việc trực tiếp để trải nghiệm môi trường làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị liên quan đến ngành nghề đào tạo với các trang thiết bị máy móc hiện đại phong phú đa dạng; các dịch vụ gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

Hàng năm, Khoa Điện – Điện tử phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể giảng viên và HSSV, giảng viên cùng với HSSV đăng ký thực hiện làm đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể: Trong năm 2019 tham dự giáo viên dạy giỏi cấp trường có 02 giáo viên và được chọn 01 giáo viên tham gia hội giảng do Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn tổ chức và đạt giải nhì. Năm 2021, hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường có 2 giáo viên tham gia đạt: giải nhì và giải ba; 01 giáo viên tham gia Hội giảng cấp tỉnh, và được cử dự thi giáo viên dạy giỏi toàn quốc tổ chức trực tuyến online và đạt giải ba. Trong kỳ hội giảng năm 2023 khoa có 02 giáo viên tham gia: 01 đạt giải ba và 1 giải khuyến khích, được tham gia hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và được lựa chọn 01 giáo viên tham gia hội giảng toàn quốc tại Quảng Ninh. Tập thể khoa có nhiều giảng viên tham gia NCKH, SKKN. Hàng năm tập thể GV của khoa luôn có các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được hội đồng khoa học nghiệm thu và đưa vào sử dụng, giảng dạy, áp dụng công việc tại trường.

4.2. Thông tin chi tiết về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Điện công nghiệp và dân dụng trình độ Trung cấp được xây dựng, biên soạn trên cơ sở các Quy định, Thông tư về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đã được Trường xây dựng, biên soạn, thẩm định và Ban hành kèm theo Ban hành kèm theo Quyết định số 285/ QĐ-CĐCS, ngày 10 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su, Quyết định số: 376 /QĐ-CĐCS ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Miền Đông. Chương trình đào tạo của nghề Điện công nghiệp và dân dụng khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo của khoá trước và quy định về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đã được Trường thẩm định và ban hành theo quy định.

4.3. Chương trình đào tạo Điện công nghiệp và dân dụng trình độ Trung cấp (điều chỉnh năm 2024)

Ngành, nghề: Điện công nghiệp và dân dụng (Industrial and civil electricity)

Mã ngành, nghề: 5520223

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên

Thời gian khóa học: 02 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Điện công nghiệp và Dân dụng trình độ trung cấp là ngành, nghề mà người học nghề lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện và các thiết bị điện công nghiệp và

dân dụng đạt yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên môn nghề điện công nghiệp và dân dụng; có kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đánh giá quá trình thực hiện công việc đáp ứng được yêu cầu của nghề điện công nghiệp và dân dụng. Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng tư duy, kỹ năng ngoại ngữ để giải quyết công việc liên quan của nghề. Thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tủ điện, máy điện, dây truyền sản xuất và các thiết bị điện trong các công ty sản xuất và kinh doanh như: nhà máy, xí nghiệp, tòa nhà ... trong điều kiện an toàn. Có sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp tốt giải quyết các công việc một cách chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất. Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn (cao đẳng), lý luận chính trị, mở rộng kiến thức xã hội, xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về Kiến thức

Trình bày được những nguyên tắc, nội quy, quy định và những tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;

Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện và tiêu chuẩn kỹ thuật của chúng;

Trình bày được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ, các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản; Phát biểu được các khái niệm, định luật, định lý cơ bản của mạch điện;

Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc và phương pháp tính toán các thông số, quán dây hoàn thành một số máy điện có công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;

Phân tích được sơ đồ nguyên lý, phương pháp điều khiển của hệ thống điện; của các máy công cụ như máy tiện, máy khoan và các máy sản xuất như băng tải, thang máy, lò điện;

Trình bày được nguyên lý của một số loại cảm biến; mạch điện cảm biến; Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;

Mô tả được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điển hình như khởi động mềm, các bộ biến đổi;

Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng, các cách mắc nối, cũng như nguyên lý làm việc, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện điện tử trong các mạch điện tử thông dụng. Thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;

Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;

Mô tả được các công việc trong quá trình thực tập sản xuất tại doanh nghiệp.

- Về Kỹ năng

Thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và các biện pháp sơ cứu nạn nhân tai nạn lao động và điện giật;

Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện; Xác định, phân loại và tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;

Sử dụng được các thiết bị đo để kiểm tra các thông số và các đại lượng cơ bản của linh kiện điện tử, của mạch điện, các thiết bị điện, máy công cụ, máy sản xuất;

Tính, chọn và lắp đặt được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;

Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện; Tính toán, quấn lại được máy điện một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;

Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được các khí cụ điện, hệ thống điện chiếu sáng, thiết bị điện gia dụng, máy điện theo yêu cầu;

Lắp đặt, sửa chữa được các mạch mở máy, dừng máy cho động cơ 3 pha, 1 pha, động cơ một chiều; và một số máy công cụ;

Viết được chương trình, kết nối được PLC với máy tính và với các thiết bị ngoại vi;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản, ngoại ngữ cơ bản theo quy định, ứng dụng được trong công việc chuyên môn của nghề.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tuân thủ, nghiêm túc thực hiện học tập, tìm hiểu môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Có đủ sức khỏe, tâm lý vững vàng, tác phong làm việc linh hoạt thích nghi trong cả điều kiện khắc nghiệt của thời tiết ngoài trời, trên cao đảm bảo an toàn lao động, cũng như có đủ tự tin, kỷ luật để làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài;

Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt, sửa chữa và bảo trì tủ điện phân phối; bộ điều khiển Rơ le, Công tắc tơ; bộ điều khiển dùng SCR, Triac;
- Thi công, lắp đặt mạng điện chiếu sáng; điện công nghiệp; các bộ điều khiển lập trình PLC cơ bản;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành động cơ điện; các thiết bị điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị điện, điện tử, điện lạnh.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1570/61 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 22
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/12 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1315/50 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 453 (giờ); thực hành, thực tập: 1117/29 (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Nhận thiết bị, vật tư.
2	NLCB-02	Kiểm tra khí cụ điện.
3	NLCB-03	Làm sạch thiết bị theo định kỳ.
4	NLCB-04	Xác định hư hỏng ở mạng động lực; tủ phân phối.
5	NLCB-05	Làm sạch vỏ động cơ và môi trường xung quanh.
6	NLCB-06	Làm vệ sinh tủ điều khiển và đường dây động lực.
7	NLCB-07	Xác định hư hỏng ở bộ điều khiển dùng rơle công tắc tơ.
8	NLCB-08	Tháo dây cũ của động cơ điện KĐB 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc
9	NLCB-09	Lấy số liệu dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
10	NLCB-10	Làm khuôn quấn dây cho các bó dây của động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
11	NLCB-11	Nhận dạng các linh kiện.
12	NLCB-12	Xác định cuộn chính và cuộn phụ của động cơ điện xoay chiều một pha.
13	NLCB-13	Kiểm tra thay tụ điện động cơ điện xoay chiều một pha.
14	NLCB-14	Lót giấy cách điện rãnh của động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
15	NLCB-15	Đai dây.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
16	NLCL-01	Phân tích bản vẽ.

17	NLCL-02	Lắp thanh cái trong tủ điện.
18	NLCL-03	Lắp đặt khí cụ điện đóng cắt.
19	NLCL-04	Lắp đặt khí cụ điện bảo vệ.
20	NLCL-05	Lắp đặt thiết bị đo lường điện 2 cực.
21	NLCL-06	Kết nối các khí cụ điện.
22	NLCL-07	Kiểm tra nguội và hiệu chỉnh tủ điện phân phối.
23	NLCL-08	Kiểm tra nóng tủ điện phân phối.
24	NLCL-09	Khảo sát hiện trường.
25	NLCL-10	Đi dây trong ống nổi.
26	NLCL-11	Đi dây ngầm mạng điện chiếu sáng.
27	NLCL-12	Lắp bảng hoặc tủ điều khiển chiếu sáng.
28	NLCL-13	Lắp thiết bị chiếu sáng, pin mặt trời
29	NLCL-14	Kiểm tra nguội và hiệu chỉnh mạng điện chiếu sáng.
30	NLCL-15	Vận hành thử mạng điện chiếu sáng.
31	NLCL-16	Kiểm tra động cơ trước khi lắp đặt.
32	NLCL-17	Lắp đặt động cơ điện.
33	NLCL-18	Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ sau khi lắp đặt.
34	NLCL-19	Lắp đặt mạch điều khiển theo sơ đồ.
35	NLCL-20	Lắp đặt mạch động lực theo sơ đồ.
36	NLCL-21	Vận hành thử bộ điều khiển không tải và có tải.
37	NLCL-22	Lắp đặt mạch điều khiển theo sơ đồ.
38	NLCL-23	Lắp đặt mạch động lực theo sơ đồ.
39	NLCL-24	Kiểm tra kết nối phần cứng.
40	NLCL-25	Kiểm tra đường dây mạng động lực.
41	NLCL-26	Kiểm tra thiết bị đo lường.
42	NLCL-27	Kiểm tra cách điện và tiếp đất.
43	NLCL-28	Vận hành thử mạng động lực và tủ phân phối.
44	NLCL-29	Sửa chữa khí cụ điện đóng cắt.
45	NLCL-30	Sửa chữa khí cụ điện bảo vệ.
46	NLCL-31	Sửa chữa đường dây mạng động lực.
47	NLCL-32	Bổ sung dầu mỡ vào ổ bi (bạc đạn).
48	NLCL-33	Bảo dưỡng cấp I động cơ điện.
49	NLCL-34	Bảo dưỡng cấp II động cơ điện.
50	NLCL-35	Bảo dưỡng động cơ trong kho.
51	NLCL-36	Chống ẩm và chống rò điện.
52	NLCL-37	Thay thế phụ kiện không đạt yêu cầu.

53	NLCL-38	Kiểm tra và vận hành thử sau bảo dưỡng.
54	NLCL-39	Sửa chữa bộ phận cấp nguồn của tủ (bảng) điều khiển.
55	NLCL-40	Sửa chữa khí cụ điện của bộ điều khiển.
56	NLCL-41	Sửa chữa hộp nối dây.
57	NLCL-42	Sửa chữa, thay thế đường dây.
58	NLCL-43	Kiểm tra, vận hành thử sau sửa chữa.
59	NLCL-44	Tắm sơn cách điện bộ dây động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
60	NLCL-45	Sấy cách điện động cơ điện rôto lồng sóc.
61	NLCL-46	Quấn dây mới cho động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô-to lồng sóc.
62	NLCL-47	Lồng dây vào rãnh.
63	NLCL-48	Đấu dây động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
64	NLCL-49	Đo thông mạch dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
65	NLCL-50	Xác định cực tính các đầu dây động cơ không đồng bộ.
66	NLCL-51	Đo độ cách điện của dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
67	NLCL-52	Kiểm tra không tải động cơ điện rô to lồng sóc.
68	NLCL-53	Kiểm tra có tải động cơ điện rô to lồng sóc.
69	NLCL-54	Tháo - lắp, vệ sinh các linh kiện.
70	NLCL-55	Phân tích sơ đồ, nguyên lý hoạt động.
71	NLCL-56	Xác định hiện tượng hư hỏng.
72	NLCL-57	Phán đoán được nguyên nhân hư hỏng.
73	NLCL-58	Kiểm tra các linh kiện.
74	NLCL-59	Thay thế, sửa chữa các linh kiện.
75	NLCL-60	Cấp nguồn, chạy thử và hoàn thiện.
76	NLCL-61	Thay thế chổi than, thay ổ bi và bạc đỡ.
77	NLCL-62	Thay thế điều chỉnh rô-le nhiệt của thiết bị ra nhiệt.
78	NLCL-63	Thay thế linh kiện quạt.
79	NLCL-64	Đổi chiều quay động cơ điện xoay chiều 1 pha kiểu mở máy bằng cuộn phụ.
80	NLCL-65	Xác định cực tính bộ dây stator động cơ điện xoay chiều không đồng bộ 3 pha $P < 5kW$.

81	NLCL-66	Thay thế, cân chỉnh ngắt điện ly tâm của động cơ điện xoay chiều một pha.
82	NLCL-67	Thay thế rô-le khởi động máy nén và rô-le nhiệt của tủ lạnh.
83	NLCL-68	Lắp đặt máy bơm nước dùng cho nhà cao tầng; tự động khống chế mức nước.
84	NLCL-69	Nạp ga máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
85	NLCL-70	Lắp đặt máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
86	NLCL-71	Bảo dưỡng máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
87	NLCL-72	Sửa chữa máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
III	Năng lực nâng cao	
88	NLNC-01	Lắp đặt thiết bị đo lường điện 4 cực.
89	NLNC-02	Vận hành thử và nghiệm thu bàn giao.
90	NLNC-03	Kiểm tra và hiệu chỉnh bộ điều khiển và tải.
91	NLNC-04	Lập trình theo yêu cầu kỹ thuật.
92	NLNC-05	Vận hành thử không tải và có tải.
93	NLNC-06	Sửa chữa thiết bị đo lường.

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	138	100	17
MH 01	Giáo dục Chính trị	2	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	1	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục Thể chất	1	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	28	13	4
MH 05	Tin học	2	45	15	28	2
MH 06	Tiếng Anh	3	90	60	25	5
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	50	1315	315	956	44
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	17	330	135	179	16
MH 07	Cơ sở kỹ thuật điện	4	60	45	11	4

MH 08	An toàn điện	2	30	15	14	1
MĐ 09	Khí cụ điện hạ thế	2	45	15	28	2
MĐ 10	Kỹ thuật lắp đặt điện cơ bản	4	90	15	71	4
MĐ11	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	3
MĐ12	Kỹ Thuật số	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	24	600	180	394	26
MH 13	Cung cấp điện	3	45	30	12	3
MĐ14	Sửa chữa thiết bị điện gia dụng	4	90	15	71	4
MĐ15	Bảo dưỡng và Sửa chữa động cơ điện	4	120	30	85	5
MĐ16	Điện tử công suất	2	45	15	28	2
MĐ17	Lắp đặt trang bị điện máy sản xuất	4	120	30	85	5
MĐ18	PLC cơ bản	3	75	30	42	3
MĐ19	Sửa chữa mạch điện máy công cụ	2	60	15	43	2
MĐ20	Điều khiển điện khí nén	2	45	15	28	2
II.3	Môn học, mô đun thực tập	9	385	0	383	2
MĐ21	Thực tập cơ sở	4	160		159	1
MĐ22	Thực tập tốt nghiệp	5	225		224	1
Tổng cộng		61	1570	453	1056	61

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh, học sinh được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép học sinh cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế trong hai năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Học sinh phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô đun

- Học sinh không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học	Phòng QLĐT chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng

	đường, phòng chống mại dâm, ma túy....)	
	Học tập kỹ năng:	
	- Văn hoá học đường	Giao cho Phòng QLĐT chủ trì, chịu trách
	- Kỹ năng học tập hiệu quả	nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng
9	- Kỹ năng thuyết trình	văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả
	- Kỹ năng làm việc nhóm	nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí.
	- Kỹ năng số	Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
	- Kỹ năng tìm kiếm việc làm	
10	Lao động	Giao Phòng QLĐT chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chương trình, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình trường Cao đẳng do Bộ LĐTBXH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình, đồng thời phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện khắc phục qua đó giúp Nhà trường, khoa chuyên môn hoạch định chiến lược phát triển trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Miền Đông.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Khoa chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình Điện công nghiệp và dân dụng trình độ trung cấp:

1. Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 7 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng. Nhà trường lập kế hoạch và phân công các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại, nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị và gửi hội đồng tự đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng của Hội đồng đánh giá

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình nhà Trường phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các hướng dẫn có liên quan của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn.	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	95
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.	2,5	2,5
2	Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể	2,5	2,5

	hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập,	2,5	2,5

	rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.		
	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2,5	2,5

	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	10
	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	0
	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	0
6	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10

	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5

	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ: Không

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2025

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Lưu VT, KĐCNDD./.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Đình Ninh